HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44 /NQ-HĐND	*Bình Phước, ngày 06 tháng 12 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT
Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 18

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 82/BC-HĐND-KTNS ngày 21 tháng 11 năm 2024 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

Thông qua danh mục 449 dự án cần thu hồi đất năm 2025 với tổng diện tích 9.389,02 ha vì mục đích quốc phòng, an ninh và để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Trong đó gồm: 03 danh mục thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất với diện tích 80,47 ha; 21 danh mục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh với diện tích 177,21 ha và 425 danh mục thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội với diện tích 9.131,34 ha.

(có Phụ lục 01 và 02 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 và hủy danh mục các dự án thu hồi đất quá 03 năm

chưa thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Phước và Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2024 và điều chỉnh tên, diện tích các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua tại Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ TN và MT;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTHĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Hằng

Phụ lục 02: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
(DANH MỤC ĐĂNG KÝ MỚI)
(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)= (7) + … + (12)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
A	**Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh**	**10,81**										
I	**Thị xã Chơn Thành**	**10,56**										
1	Trại tạm giam Công an tỉnh	10,56	CLN	Minh Lập								Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 8/9/2022, Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 3/3/2023 của UBND tỉnh
II	**Huyện Bù Đốp**	**0,25**										
1	Trụ sở công an xã Hưng Phước	0,25	CLN	Hưng Phước								Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh
B	**Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội (theo Điều 79, Luật đất đai 2024)**	**406,15**										
I	**Thành phố Đồng Xoài**	**60,39**										
1	Trạm 110kV Đồng Xoài 2 và nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV Đồng Xoài 2	0,73	CLN + ODT và các loại đất khác	Tiến Thành, Tiến Hưng, Tân Thành	101.848			Vốn vay AFD và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam			Vốn vay AFD và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam	Công văn số 4295/UBND-TH ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh
2	Đường dây 110kV Đồng Xoài - Phú Giáo	0,42	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	214.527			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam	Công văn số 83/UBND-TH ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh
3	Vận động GPMB đường Vành đai 1 (đoạn từ KCN Đồng Xoài III đến dự án KDC Tiến Hưng II)	0,71	ONT+ CLN	Tiến Hưng	140		Không bồi thường về đất, vận động hiến đất			140		Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 25/6/2024 của HĐND xã Tiến Hưng
4	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường vành đai 32m đến đường Võ Văn Tần)	1,41	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Bình	1.540					1.540		Nghị quyết 17/NQ-HĐND ngày 09/5/2024 của UBND phường Tân Bình

5	Vận động GPMB đường quy hoạch Tân Bình 3	0,78	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Bình	570		Không bồi thường về đất, vận đông hiến đất			570		Nghị quyết 17/NQ-HĐND ngày 09/5/2024 của UBND phường Tân Bình
6	Xây dựng đường nối từ đường Trường Chinh đến đường Võ Văn Tần (đường QH N4), phường Tân Bình	1,40	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Bình	3.800		Không bồi thường về đất, vận đông hiến đất			3.800		Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND thành phố
7	Đường Nguyễn Huệ nối dài (đoạn từ TTVH phường Tân Đồng đến đường Hồ Xuân Hương)	2,65	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Đồng	50.000		Không bồi thường về đất, vận đông hiến đất					Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024; Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND thành phố
8	GPMB + Xây dựng đường vành đai (bên hông Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe) đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Hồ Xuân Hương, phường Tân Phú	0,84	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Phú	15.500		Không bồi thường về đất, vận đông hiến đất			15.500		Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024; Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND thành phố
9	Nâng cấp, mở rộng hẻm 461	0,57	CLN	Tiến Hưng	510					510		Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 25/6/2024 của HĐND xã Tiến Hưng
10	Vận động GPMB đường QH số 34 (đường Hải Thượng Lãn Ông) đoạn từ KCN Đồng Xoài III đến đường ĐH 507	8,75	CLN	Tiến Hưng	185					185		Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 25/6/2024 của HĐND xã Tiến Hưng
11	Vận động GPMB đường QH số 41	5,00	CLN	Tân Thành	577					577		Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của UBND xã Tân Thành
12	Vận động GPMB đường ĐH Tân Phú-QL14	20,00	CLN, HNK	Tân Thành	571					571		Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của UBND xã Tân Thành
13	Vận động GPMB dự án đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I	14,10	CLN, HNK	Tân Thành	1.104					1.104		Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND xã Tân Thành
14	Vận động GPMB đường QH D5	2,10	CLN	Tân Thành	730					730		Nghị quyết 15/NQ-HĐND ngày 06/6/2023 của HĐND xã Tân Thành
15	Xây dựng đường nối từ Mai Thúc Loan đến đường Võ Văn Tần, phường Tân Bình	0,93	CLN,ODT	phường Tân Bình	500					500		Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND phường Tân Bình
II	**Thị xã Bình Long**	**22,41**										
1	Xây dựng đường liên xã Thanh Phú - Thanh Lương (từ Quốc lộ 13 đến ĐT 757)	19,44	CLN, ONT, LUK	xã Thanh Phú, xã Thanh Lương	360.000		100.000			260.000		Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27/2/2024

2	Nâng cấp đường Hai Bà Trưng nối dài phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	0,57	CLN, ODT	phường Phú Thịnh	3.000		3.000			0		Quyết định số 2337a/QĐ-UBND ngày 14/10/2019
3	Xây dựng đường số 5 giáp trường chuyên Bình Long (đoạn từ HCT1 đến ĐT 752), phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	1,05	CLN, ODT	phường Hưng Chiến	12.619		12.619			0		Quyết định số 422a/QĐ-UBND ngày 28/02/2022
4	Nâng cấp mở rộng, láng nhựa đường tổ 5,6,7,8,10 ấp Thanh Hải, xã Thanh Lương	1,36	CLN, ONT	Xã Thanh Lương	17.103		17.103			0		Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 23/7/2024
III	**Thị xã Phước Long**	**8,09**										
1	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Thống Nhất (đoạn từ UBND phường Phước Bình đến ngã 3 Phước Quả)	0,15	CLN	Phường Phước Bình, xã Phước Tín	22.500		500			22.500		Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND thị xã
2	Xây dựng bờ kè chống sạt lở đường 6/1 (đoạn từ tượng đài Chiến thắng đến cầu Đắk Lung)	0,10	CLN	Phường Long Thủy	3.000		500			3.000		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã
3	Cải tạo một số tuyến đường nội ô phường Long Phước	0,10	CLN, ODT	Phường Long Phước	16.500		500			16.500		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã Phước Long
4	Đầu tư xây dựng vỉa hè và hệ thống chiếu sáng đường Lê Trọng Tấn, khu phố Phước An, phường Phước Bình	0,05	CLN, ODT	Phường Sơn Giang, phường Phước Bình	10.500		4.000			10.500		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã Phước Long
5	Đầu tư mở rộng hoàn thiện mặt đường theo quy hoạch, xây dựng hệ thống thoát nước đường Thống Nhất (Đoạn từ ngã ba Phước Quả đến giáp ranh xã Phước Tân)	2,90	CLN, SKC, ONT	Xã Phước Tín	40.000		10.000			40.000		NQ số 15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã Phước Long
6	Đầu tư hoàn thiện vỉa hè, hố trồng cây xanh đường Điện Biên Phủ (Đoạn từ ngã ba Phước Quả đến ngã ba Phước Lộc)	2,40	CLN	Xã Phước Tín	13.500		200			13.500		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã Phước Long

7	Nâng cấp, mở rộng Đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	0,23	CLN, ODT	Phường Long Thủy, Long Phước, xã Long Giang	55.000		4.000			55.000		Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh
8	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Lý Thái Tổ (từ cầu An Lương đến đường Lê Hồng Phong)	2,16	CLN	Phường Long Thủy	18.000		300			18.000		Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND thị xã Phước Long
IV	**Thị xã Chơn Thành**	**7,01**										
1	Xây dựng hệ thống thoát nước và sửa chữa tuyến đường N1 (đường khu phố 2 đi khu 4) phường Minh Hưng.	1,13	DGT+DTL	Minh Hưng	5.000	0	0	0	0	5.000	0	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11/3/2024 của HĐND thị xã
2	Đường liên khu phố 4 - 5 đến KCN Chơn Thành	4,68	CLN	Thành Tâm	100.000	4.000	0	0	96.000	0	0	Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 16/1/2023 của UBND tỉnh
3	Dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	1,20	ONT, ODT, CLN, DGT, DTL, NTS, SON, LUK , BHK, DCK, RSN, RSX và các loại đất khác	Nha Bích, Minh Thành	1.474.000	442.370	0	0	31.630	0	1.000.000	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
V	**Huyện Lộc Ninh**	**9,35**										
1	Nhà văn hóa ấp Tân Lợi	0,15	CLN	Lộc Phú			x					Quyết định giao vốn của UBND huyện
2	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Lợi nối dài (đoạn từ cổng Công ty Cao su Lộc Ninh đi Nghĩa trang Làng 2)	2,00	CLN, DGT	xã Lộc Thuận, TT. Lộc Ninh	14,30		x					Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/7/2024 của HĐND huyện
3	Đường từ cầu ông Kỳ thị trấn Lộc Ninh đi xã Lộc Thuận	4,30	CLN, DGT	TT. Lộc Ninh, xã Lộc Thuận	45,00		0,50			44,50		Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện
4	Đường tổ 5, ấp Tam Nguyên xã Lộc Quang	2,90	CLN, DGT	xã Lộc Quang	17,00		0,50		16,50			Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện
VI	**Huyện Hớn Quản**	**29,44**										
1	Trạm biến áp 110kV Sikico và nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV Sikico	0,44	CLN, DGT	Đồng Nơ				x			x	Công văn số 119/SCT-QLNL ngày 18/01/2024 của Sở Công thương
		0,04	RSX	Đồng Nơ				x			x	Công văn số 51/CV-HV.2024 ngày 09/10/2024 của Công ty Hải Vương

2	Đầu tư xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp và hệ thống cấp nước thô phục vụ vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico	8,96	RSX	Tân Hiệp, Đồng Nơ				x			x	Công văn số 51/CV-HV.2024 ngày 09/10/2024 của Công ty Hải Vương
3	Nhà máy điện rác Tân Hưng Hớn Quản	20,00	CLN	Tân Hưng				x			x	Công văn số 1610/2024/VP-GHG ngày 16/10/2024 của Công ty TNHH MTV Greenity Hậu Giang
VII	**Huyện Bù Gia Mập**	**14,00**										
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.19 (đoạn từ Quốc lộ 14 C đến thôn Bù Gia Phúc I)	4,00	CLN, ONT	Thôn Đức Lập và thôn Bù Gia Phúc 1, xã Phú Nghĩa	20.000					20.000		Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 06/06/2024 của UBND huyện
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH06 (đoạn từ ĐT 760 đến đường 19/5)	3,50	CLN, ONT	Thôn 19/5 và thôn Bù Kroai, xã Đức Hạnh	23.500		2.000			23.500		Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 04/06/2024 của UBND huyện
3	Xây dựng và hoàn thiện các tuyến đường TTHC huyện	0,50	CLN, ONT	Thôn Tân Lập, Xã Phú Nghĩa	20.000		1.500					Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 23/05/2024 của UBND huyện
4	Dự án láng nhựa tuyến GTNT S14 thôn 7, từ tiếp giáp Đăk Ơ 11 đến tiếp giáp vườn ông Mai Huy Thanh	1,00	CLN	Thôn 7, xã Đăk Ơ	1.500					1.350	150	Nghị quyết của HĐND huyện
5	Xây dựng trường THCS và THPT Đắk Mai	4,50	CLN	Thôn Bù Rên, xã Bù Gia Mập	80.000	2.000			78.000			Công văn số 4263/UBND-TH ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh
6	Bê tông xi măng từ ĐH 11 đến vườn ông Dụ	0,50	CLN	Thôn 9, xã Đăk Ơ	1.021					201	820	Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND huyện
VIII	**Huyện Phú Riềng**	**69,40**										
1	Xây dựng cầu Long Tân đi Phú Riềng huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	0,04	ONT,CLN	Phú Riềng	12.000,00		Không bồi thường về đất			12.000,00		Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh
2	Xây dựng trường mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	1,00	CLN	Long Hà	3.500,00		1.000,00			34.000,00		Nghị quyết 11//NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh
3	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé - Giai đoạn 3	11,50	CLN	Long Hà; Long Bình	25000		1000			24000		Nghị quyết số 223/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 của HĐND huyện
4	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé - Giai đoạn 4	14,50	CLN; ONT;	Long Bình	40000		500			39500		Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 của HĐND huyện
5	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối xã Đa Kia (Suối Cát giáp ranh với huyện Bù Gia Mập) với xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	12,00	CLN	Long Hưng, Long Bình	25000		600			24400		Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND huyện

6	Nâng cấp, mở rộng đường từ Trung tâm xã Long Bình đi xã ĐaKia, Bù Gia Mập (Đoạn ĐT 757B - tuyến Long Hưng - Long Bình)	13,00	CLN	Long Bình	23000		600			22400		Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND huyện
7	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường vành đai Suối Dên	3,16	CLN;SON	Phú Riềng	2986		Không bồi thường về đất			2986		Quyết định số 3325/QĐ-UBND ngày 30/9/2024
8	Giải phóng mặt bằng và mở rộng đường giao thông từ xã kết nối cầu Long Tân - Long Hà	3,20	CLN	Long Tân	4000		Không bồi thường về đất			4000		Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 30/9/2024
9	Giải phóng mặt bằng và mở rộng đường giao thông thôn 7, xã Long Tân từ Km0+600 đường Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản kết nối với ĐT758	4,20	CLN	Long Tân	2000		Không bồi thường về đất			2000		Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 30/9/2024
10	Nâng cấp, mở rộng Đường thôn Phu mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé - xã Long Hà	4,70	CLN	Long Hà	1462,9		Không bồi thường về đất			1462,9		Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 01/10/2024
11	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường kết nối ĐT 757 với đường từ xã Đa Kia huyện Bù Gia Mập về xã Long Hưng, Long Bình	2,10	CLN	Long Bình	3000		Không bồi thường về đất			3000		Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND huyện
IX	**Huyện Đồng Phú**	**24,22**										
1	Xây dựng đường vòng quanh trũng Đồng Ca, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	3,25	ODT, CLN, DGT và loại đất khác	Thị trấn Tân Phú	9.000					9.000		Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện
2	Nâng cấp láng nhựa đường từ dốc 5 tầng đi nhà văn hoá ấp 2, xã Đồng Tiến.	4,60	ONT, CLN, DGT và loại đất khác	Đồng Tiến.	8.500					8.500		Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện
3	Nâng cấp láng nhựa Đường Cây Điệp – Nam Đô (từ đường Lam Sơn - Tân Phước đến điểm trường tiểu học ấp Nam Đô).	3,50	ONT+CLN và loại đất khác	Tân Phước	6.500					6.500		Quyết định số 5057/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện

4	Xây dựng đường quy hoạch số 7, huyện Đồng Phú (Đoạn từ ĐT.753 đến đường Đồng Phú-Bình Dương, xã Tân Lợi)	10,50	ONT+CLN và loại đất khác	Tân Lợi	14.900					14.900		Nghị Quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
5	Đường Bắc - Nam 1 - Từ ĐT.741 kết nối với tuyến 3	1,87	ODT+CLN và loại đất khác	thị trấn Tân Phú	11.000					11.000		Nghị Quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
6	Nâng cấp mở rộng đường tổ 21, khú phố Tân An, thị trấn Tân Phú (đoạn từ đường ĐT 741 đến đường Phú Riềng Đỏ nối dài lên KCN Bắc Đồng Phú	0,50	ODT+CLN và loại đất khác	thị trấn Tân Phú	4.000					4.000		Nghị Quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
X	**Huyện Bù Đăng**	**161,83**										
1	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài thị trấn Đức Phong	1,00	ODT, CLN	Đức Phong	10.000		3.500			x		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 28/10/2024 của HĐND huyện
2	San lấp mặt bằng khu TTHC xã Đăng Hà	8,00	ONT, CLN	Đăng Hà	25.000		10.500			x		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 28/10/2024 của HĐND huyện
3	Quy hoạch mỏ đất san lấp phục vụ làm vật liệu phục vụ Dự án đường cao tốc	118,83	CLN	Đức Phong, Đoàn Kết, Đăk Nhau, Thống Nhất, Phước Sơn, Thọ Sơn, Đăng Hà, Minh Hưng, Bom Bo, Phú Sơn								Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội
4	Quy hoạch mỏ đá xây dựng phục vụ làm vật liệu phục vụ Dự án đường cao tốc	34,00	CLN	Phước Sơn, Thống Nhất								Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội
Tổng cộng		**416,96**										

Ghi chú (*):
CLN: Đất trồng cây lâu năm
ODT: Đất ở tại đô thị
ONT: Đất ở tại nông thôn
SKC: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
SON: Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối
DGT: Đất giao thông
DGD: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Phụ lục 01: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
(DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP)
(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (triệu đồng)			Kinh phí thực hiện (triệu đồng)			Căn cứ pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)= (7) + … + (12)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
A	**Thu hồi đất để đấu giá quyền sử dụng đất**	**80,47**										
I	**Thị xã Chơn thành**	**72,26**										
1	Khu dân cư liền kề dự án Sân golf kết hợp khu đô thị, dịch vụ, du lịch, nghỉ dưỡng	72,26	CLN	Minh Thắng	24.122	24.122						Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
II	**Huyện Hớn Quản**	**8,21**										
1	Thu hồi đất Ban quản lý khu kinh tế giao UBND huyện quản lý để thực hiện quy hoạch, tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng Khu dân cư	2,91	CLN	Tân Khai	61		61					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
2	Chỉnh trang đô thị (thu hồi đất Công ty An Phú Thịnh)	5,30	SKC	Tân Khai			8.591					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
B	**Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh**	**166,398**										
I	**Thành phố Đồng Xoài**	**19,69**										
1	Thao trường huấn luyện (ấp 4, xã Tiến Hưng)	19,69	CLN, ONT và các loại đất khác	Tiến Hưng	6.000							Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
II	**Thị xã Bình Long**	**0,50**										
1	Xây dựng trụ sở công an xã Thanh Phú	0,50	CLN	Thanh Phú	5.160					5.160		Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
III	**Thị xã Phước Long**	**30,18**										

1	Vùng lõi Căn cứ hậu cần - kỹ thuật	30,18	CLN	Xã Phước Tín	30.000	30.000						Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
IV	**Thị xã Chơn Thành**	**27,21**										
1	Vùng lõi Căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật	25,54	CLN	Minh Thắng								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng trụ sở Công an phường Hưng Long	0,12	CSD	Hưng Long								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
3	Xây dựng trụ sở Công an phường Minh Hưng	0,29	CSD	Minh Hưng								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
4	Xây dựng trụ sở Công an phường Minh Long	0,12	TSC	Minh Long								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
5	Xây dựng trụ sở Công an phường Minh Thành	0,12	TSC	Minh Thành								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
6	Xây dựng trụ sở Công an phường Thành Tâm	0,16	CSD	Thành Tâm								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
7	Xây dựng trụ sở Công an xã Nha Bích	0,19	TSC	Nha Bích								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
8	Xây dựng trụ sở Công an xã Minh Thắng	0,21	TSC	Minh Thắng								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
9	Xây dựng trụ sở Công an xã Minh Lập	0,19	DGD	Minh Lập								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
10	Xây dựng trụ sở Công an xã Quang Minh	0,27	DGD	Quang Minh								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
V	**Huyện Bù Gia Mập**	**13,60**										
1	Khu căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật (vùng lõi)	13,60	CLN	Thôn Bù Cà Mau, xã Phú Nghĩa	4.000		4.000					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
VI	**Huyện Bù Đốp**	**22,02**										
1	Căn cứ hậu cần kỹ thuật	21,78	CLN	Thanh Hòa	20.000		20.000			20.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Bình Phước

2	Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước	0,24	CLN	Thiện Hưng							283	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND tỉnh Bình Phước
VII	**Huyện Đồng Phú**	**51,19**										
1	Dự án Công trình QK1	19,77	CLN	Tân Tiến		24.101			24.101			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
2	Xây dựng công trình khu vực phòng thủ huyện	31,42	RSX	Tân Hòa				X				Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
VIII	**Huyện Phú Riềng**	**2,00**										
1	Xây dựng trụ sở, nơi làm việc, sinh hoạt cho Công an các xã trên địa bàn huyện Phú Riềng	2,00	CLN	Phú Riềng, Phú Trung, Bù Nho, Phước Tân, Bình Sơn, Bình Tân, Long Tân, Long Bình, Long Hưng, Long Hà	40.000		Không bồi thường về đất			40.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
C	**Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội**	**8.725,19**										
I	**Thành phố Đồng Xoài**	**670,21**										
1	Khu du lịch hồ Suối Cam (giai đoạn 2)	166,90	CLN, ODT, LUK và các loại đất khác	Tân Phú, Tiến Thành				Vốn DN ứng trước				Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
2	Khu đô thị mới - Công viên Trung tâm Đồng Xoài	49,36	CLN, ODT, LUK và các loại đất khác	Tân Bình				Vốn DN ứng trước				Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
3	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	28,00	CLN, ODT, DTL, DGT và các loại đất khác	Tân Thành, Tiến Thành	1.450.000	150.000			1.300.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
4	Xây dựng đường Đồng Tiến - Tân Phú	0,91	CLN, DTL, DGT và các loại đất khác	Tân Thiện	180.000	2.000			178.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

5	Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	50,00	HNK, CLN, DGT, DTL SON, ONT, ODT, SKC, LUK, CCC và các loại đất khác	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân, Tiến Hưng	646.000	186.000					460.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
6	Khu đô thị mới phía Đông phường TânThiện	46,10	ODT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Thiện	Đấu thầu chọn nhà đầu tư	461.000		Vốn DN (tổ chức đấu thầu đầu tư dự án có sử dụng đất)				Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
7	Đường Trường Chinh (đoạn từ Quốc lộ 14 đến đường vành đai Khu công nghiệp Đồng Xoài III, dài khoảng 3km)	9,60	CLN, ODT, ONT, LUK và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng	79.499		4.567			74.932		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
8	Xây dựng đường giao thông khu quy hoạch phân lô đất Lâm trường Suối Nhung (cũ), phường Tân Bình	1,00	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Bình	4.530		Không bồi thường về đất, vận động hiến đất			4.530		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
9	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2,10	CLN, HNK, ONT và các loại đất khác;	Tiến Hưng	80.000	56.784			23.216			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
10	Đường Phan Bội Châu đoạn nối từ Tôn Đức Thắng đến KCN Đồng Xoài III (Tên theo Quyết định phê duyệt: Xây dựng đường Phan Bội Châu).	4,36	CLN, ODT, ONT, LUK và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng	60.000		Không bồi thường về đất, vận động hiến đất			60.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
11	Giải phóng mặt bằng và xây dựng phần còn lại đường Lê Lợi và các tuyến tiếp giáp Công viên Xoài, phường Tân Phú	0,54	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	16.000		9.000			7.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
12	Giải phóng mặt bằng và chỉnh trang vỉa hè, ngã rẽ Hai Bà Trưng	0,09	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	6.000		5.000			1.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
13	Xây dựng đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Vành đai)	1,84	CLN, ODT và các loại đất khác	Tiến Thành			Không bồi thường về đất, vận động hiến đất					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

14	Đường quy hoạch số 31	22,16	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tiến Thành, Tân Thành, Tân Bình			Không bồi thường về đất, vận động hiến đất					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
15	Đường quy hoạch số 8	1,27	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Đồng			Không bồi thường về đất, vận động hiến đất					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
16	Đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến đường Vành đai)	1,94	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Đồng			Không bồi thường về đất, vận động hiến đất					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
17	Giải phóng mặt bằng và xây dựng mương thoát nước đường Hùng Vương (đoạn từ đường Hùng Vương ra suối Tầm Vông), phường Tân Bình.	0,03	ODT, CLN và các loại đất khác	Tân Bình	4.000		4.000					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
18	Giải phóng mặt bằng mở rộng Trường Mầm non Hoa Lan và Trường Tiểu học Tiến Hưng B	0,35	CLN, ONT	Tiến Hưng	7.500		7.500					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
19	Nâng cấp, mở rộng hẻm nối từ đường Đồng Khởi đến đường Lý Thường Kiệt, phường Tân Phú	0,54	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	7.000					7.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
20	Nâng cấp, mở rộng ĐT.753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	5,74	ODT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Thiện, Tân Xuân	480.000	40.000			207.266		232.734	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
21	GPMB, san lấp mặt bằng khu quy hoạch Trụ sở làm việc Công an thành phố, Trường tiểu học Tân Bình và khu dân cư hỗn hợp phường Tân Bình	14,40	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Bình	200.000	200.000						Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
22	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía tây đoạn Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	148,00	ODT, CLN, ONT, DGT, DTL, LUK và các loại đất khác	Tiến Hưng Tân Xuân Tân Thành	3.977.000	1.100.000			646.120		2.230.880	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh, BC số 490/BC-UBND ngày 25/10/2024 của UBND Đồng Xoài

23	Đường dây 110kV trạm 110kV Phước Long - trạm 110kV Đồng Xoài	0,38	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	175.214			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Công ty điện lực Miền Nam				Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
24	Lộ ra 110kV từ trạm 220 kV Chơn Thành (02 mạch)	0,56	CLN, ONT và các loại đất khác	Tiến Hưng, Tân Thành, Tiến Thành	241.211			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Công ty điện lực Miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Công ty điện lực Miền Nam	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
25	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bỉnh đến Quốc lộ 14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	7,32	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú, Tiến Thành	250.000	85.000				165.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
26	Xử lý cấp bách thoát lũ Suối Đá thành phố Đồng Xoài	9,90	CLN, ODT, LUK và các loại đất khác	Tân Xuân	135.000		Không bồi thường về đất, vận động hiến đất			135.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
27	Giải phóng mặt bằng + dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam. (GPMB + dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Đá)	0,60	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	202.000	202.000						Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
28	Đường vành đai phía Nam thành phố Đồng Xoài (qua 05 phường, xã)- *(Đường quy hoạch số 21: Từ đường vành đai 2, xã Tân Thành đến đường Phan Bội Châu và đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến Quốc lộ 14)*	27,01	CLN, ODT, ONT, LUK và các loại đất khác	Tân Thành, Tiến Thành, Tân Bình, Tân Xuân, Tân Thiện	300.000		103.000			197.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
29	Đường quy hoạch số 34 (Hải Thượng Lãn Ông)	5,52	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tiến Thành, Tiến Hưng			Không bồi thường về đất, vận động hiến đất					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
30	Đường quy hoạch số 16	1,54	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Thiện			Không bồi thường về đất, vận động hiến đất					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
31	Xây dựng đường Quy hoạch số 35 (kết nối Đồng Phú – Khu công nghiệp Đồng Xoài I với hồ Suối Cam), thành phố Đồng Xoài	19,32	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tiến Hưng, Tiến Thành								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
32	Xây dựng đường Võ Văn Tần (đoạn từ đường số 31 đến đường Trường Chinh)	4,38	CLN, ODT, ONT, LUK và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng	80.000		11.500			68.500		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

33	Đường số 39	33,09	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Phú, Tiến Thành Tân Thành			Không bồi thường về đất, vận đông hiến đất					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
34	Xây dựng đường vành đai phía nam Đồng Xoài (đoạn qua phường Tân Bình).	2,49	CLN, LUK, ODT và các loại đất khác	Tân Bình	59.016		Không bồi thường về đất, vận đông hiến đất			59.016		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
35	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại Khu dân cư Bắc tỉnh lỵ	0,62	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Phú	200.000	40.000			160.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
36	Đường kết nối các khu công nghiệp phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	1,50	CLN, ODT và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng	220.000			53.000			167.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
37	Đường quy hoạch số 21	6,49	CLN, ODT, ONT và các loại đất khác	Tân Bình, Tiến Hưng	1.840					1.840		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
II	**Thị xã Bình Long**	**135,41**										
1	Dự án xây dựng mương thoát nước ngoài KCN Việt Kiều	0,65	CLN, SKC, DGT, ODT	Hưng Chiến	50.000	9.000			41.000			Nhị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
2	KDC đường vành đai Hồ Sa Cát	0,50	CLN	Hưng Chiến			1.000			1.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
3	Nâng cấp, mở rộng đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Cầu Ba Tặng)	2,00	CLN, HNK, LUK	Phú Thịnh	18.000		800			17.200		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
4	Lò mổ thị xã Bình Long	2,00	CLN	An Lộc			200			200		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng đường TPT2	1,22	CLN	Thanh Phú	29.500	1.300				28.200		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
6	Trụ sở làm việc và KDC cán bộ CNV	5,40	CLN	Hưng Chiến				2.700			2.700	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
7	XD mương thoát nước phía Tây đường ALT3, mương tổ 4 khu phố Phú An	0,09	CLN	An Lộc	3.000		450			2.550		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
8	Nâng cấp, mở rộng đường TPT30 (từ quốc lộ 13 đến địa giới phường An Lộc)	2,50	CLN	Thanh Phú			250			250		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
9	Khu đô thị mới Nam An Lộc	49,50	CLN	Hưng Chiến;		33.911			33.911			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

10	Xây dựng đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	9,42	CLN, HNK, LUK, ODT, ONT	Phú Đức		25.000			25.000			NQ số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
11	Nạo vét kênh hậu lòng Hồ Sa Cát	6,00	CLN	Hưng Chiến			10.000			10.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
12	Đường giao thông thuộc tổ 3,4 Xa cam 2, P. Hưng Chiến	0,08	CLN	Hưng Chiến			80			80		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
13	Láng nhựa đường tổ 6 ấp Thanh Tuấn đi cầu Ba Tặng (đầu đoạn ĐT757 đi Lộc Ninh)	3,30	CLN	Thanh Lương	300					300		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
14	Láng nhựa tuyến đường từ đập tràn tổ 8 ấp Thanh Thiện đi nghĩa trang ấp Thanh Thiện	3,30	CLN	Thanh Lương	120					120		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
15	Xây dựng đường số 5 giáp trường chuyên Bình Long (đoạn từ HCT1 đến ĐT 752), phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	1,71	CLN	Hưng Chiến			2.700			2.700		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
16	Xây dựng Mương thoát nước từ tổ 8 khu phố Phú Trọng đến Suối Cầu Trắng, phường Phú Đức	0,03	CLN	Phú Đức			300			300		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
17	Trường Mầm non Thanh Lương	0,81	CLN	Thanh Lương			1.000			1.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
18	Xây dựng, nâng cấp đường Bà Triệu	0,80	CLN, HNK	Phú Thịnh			4.000			4.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
19	Xây dựng, nâng cấp đường Nơ Trang Long (từ đường rày xe lửa đến đường Nguyễn Thái Học)	5,10	CLN, HNK	Phú Thịnh			2.000			2.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
20	Đường Bùi Thị Xuân nối dài (320 m)	0,34	CLN, ODT	An Lộc	17.000		13.000			4.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
21	Nạo vét suối khu phố Phú Xuân, khu phố Phú Thuận, phường Phú Thịnh	1,22	CLN	Phú Thịnh	1.500						1.500	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
22	Đường dây 110kV Trạm 220kV Bình Long 2 - Bình Long	0,31	CLN	Thanh Lương, Thanh Phú, Phú Thịnh	11.573			11.573				Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
23	Xây dựng Mương thoát nước ngoài hàng rào Cụm công nghiệp xã Thanh Phú	1,20	CLN	Xã Thanh Phú	20.000					20.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
24	Xây dựng hệ thống mương thoát nước tổ 2 KP. Phú Thuận và tổ 8 KP.Phú	0,05	CLN	Phường Phú Thịnh,	1.728						1.728	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của

25	Dự án: Nạo vét kênh và cống thoát nước trên địa bàn phường An Lộc và phường Hưng Chiến.	4,50	CLN	An Lộc,			5.000			5.000		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
26	XD đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương	22,68	CLN,LUK	Hưng Chiến, An Lộc, Thanh Phú, Thanh Lương	12.340			11.340		1.000		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
27	Bồi thường GPMB Dự án nạo vét kênh, xây dựng đường giao thông và cống thoát nước tại các điểm ngập úng trên địa bàn thị xã Bình Long	1,05	ODT,CLN,HNK	An Lộc, Hưng Chiến			4.050			4.050		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
28	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài (đoạn từ Quốc lộ 13 đến giáp ranh xã Tân Lợi, Hớn Quản)	9,60	CLN, HNK. ODT, ONT, LUK	Phú Thịnh, Thanh Phú		20.000			20.000			Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
29	Xây dựng Mương thoát nước đường TPT1 đoạn qua tổ 8, ấp Sóc Bế, xã Thanh Phú	0,05	CLN	Thanh Phú	6.183		Nhân dân hiến đất làm mương			6.183		NQ số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
III	**Thị xã Phước Long**	**92,96**										
1	Xây dựng láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long	11,00	CLN, SKC, ODT	Phường Phước Bình	10.000	10.000						Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT.759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	12,50	CLN, SKC, ODT	Phường Long Phước	10.000	10.000						Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
3	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé và đường kết nối đến huyện Bù Gia Mập (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	9,00	LUC, CLN, SKC, ONT	Xã Long Giang	8.000	8.000						Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
4	Đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	11,82	CLN, ODT, ONT	Phường Sơn Giang; Long Phước; Xã Long Giang	12.500	12.500						NQ số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
5	Nâng cấp mặt đường và xây dựng HTTN đường Hoàng Văn Thái	0,44	CLN, ODT	Phường Sơn Giang	600		600					NQ số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
6	Xây dựng đường từ đường ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT 759)	24,10	CLN, SKC, ONT, ODT	Phường Phước Bình, xã Phước Tín	15.000		15.000					Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh

7	Đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, khai thông ngập úng cánh đồng Sơn Long (từ khu vực hồ Đak Tol phường Sơn Giang đến thôn An Lương xã Long Giang)	6,00	CLN, ONT, ODT	Phường Sơn Giang, Thác Mơ, Long Thủy, xã Long Giang	140.000	8.000			132.000			Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
8	GPMB, xây dựng hàng rào khu di tích Cây Khế - Bà Định và phục dựng khu di tích nhà tù Bà Rá	6,17	CLN	Phường Sơn Giang	10.000		4.000			6.000		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
9	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Mội nước phường Sơn Giang	1,20	CLN	Phường Sơn Giang	6.000		1.300			4.700		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
10	Đầu tư nâng cấp đường Hà Huy Tập (Bù Xiết)	1,40	CLN, ONT, ODT	Phường Sơn Giang; xã Long Giang	4.500		1.500			3.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
11	Đường D8, khu dân cư số 8, phường Long Phước	0,30	CLN	Phường Long Phước	330		330					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
12	Đầu tư Công viên phường Long Thủy	0,26	DKV	Phường Long Thủy	8.000		650			7.350		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
13	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ hạ tầng kỹ thuật đường Võ Văn Kiệt (Đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Thôn 7 xã Long Giang)	2,60	CLN, ONT	Xã Long Giang, phường Sơn Giang, Long Phước	52.000		1.900			52.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
14	Nâng cấp, mở rộng mặt đường Mạc Đăng Dung (Nối đường ĐT 759 từ thôn Phước Yên đi xã Phước Tân, huyện Phú Riềng)	1,19	CLN, ONT	Xã Phước Tín	19.000		1.300			17.700		Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND thị xã
15	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Tú Xương thuộc khu phố 9 phường Long Phước	1,36	CLN, ODT	Phường Long Phước	25.000		1.500			23.500		NQ số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
16	Nâng cấp mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường trên địa bàn phường Long Thuỷ (Gói 3)	0,12	CLN	Phường Long Thủy	22.000		135			21.865		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
17	Xây dựng đường Vành Đai 1 từ Long Điền đi Long Thủy (phần khối lượng chưa thực hiện)	3,50	CLN, ONT, ODT	Xã Long Giang, phường Long Phước, phường Long Thủy	25.000		4.000			21.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

IV	**Thị xã Chơn Thành**	**3.237,36**										
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	122,81	CLN, ONT, DGT, DTL, LUK, ODT và các loại đất khác	Minh Thành, Nha Bích, Minh Thắng, Minh Lập	3.977.000			335.000	1.233.500		2.408.500	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
2	Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước	948,00	CLN, ONT, ODT SON, HNK, DGT, LUK	Hưng Long, Minh Thành, Thành Tâm								Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
3	Khu dân cư Becamex - Bình Phước	1.832,55	CLN, ONT, ODT SON, HNK, DGT, LUK	Minh Thành, Hưng Long, Nha Bích	1.908.875			1.908.875				Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
4	Lộ ra 110KV từ trạm 220KV Chơn Thành (4 mạch)	0,80	CLN	Nha Bích, Minh Thành	122.000			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
5	Lộ ra 110kV từ trạm 220 KV Chơn Thành (02 mạch)	0,44	CLN	Minh Thành, Minh Thắng, Nha Bích, Minh Lập	176.000			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
6	Đường dây 110kV Trạm 220kV Bến Cát - Trạm 220kV Chơn Thành	0,56	CLN	Hưng Long, Thành Tâm	219.000			Vốn vay AFD và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực			Vốn vay AFD và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
7	Trạm 110kV Nha Bích và nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV Nha Bích	0,54	CLN	Nha Bích	88.000			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
8	Xây dựng đường N3	3,52	ODT,CLN	Hưng Long	125.000		125.000					Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
9	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nàm, huyện Chơn Thành (kết nối các tuyến đường Minh Thành - Bàu Nàm)	12,08	ONT, CLN, DGT, DTL, NTS, ODT	Minh Thành, Nha Bích	70.000	13.190			56.810			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

10	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	71,00	CLN, ONT, ODT, CQP, DTL, DGT, SON	Minh Lập, Minh Thắng, Nha Bích, Minh Thành	1.450.000	450.000			1.000.000			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
11	Xây dựng đường phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Bàu Bàng	35,00	ONT, CLN, DGT, DTL, NTS, ODT, LUK (0,53ha)	Minh Long, Thành Tâm	440.000	52.444			387.556			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
12	Dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	81,00	ONT, ODT, CLN, DGT, DTL, NTS, SON, LUK (1,27ha), BHK, DCK, RSN, RSX và các loại đất khác	Nha Bích, Minh Thành	1.474.000	442.370			31.630		1.000.000	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
13	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước	6,00	ONT, ODT, CLN, DGT, CHN, DTL và các loại đất khác	Minh Long, Thành Tâm	587.139	9.000			196.394		390.745	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
14	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	12,27	ODT, DGD, CLN, DGT, SON, TMD, RSN, DTL, LUK(0,214ha), NTS	Minh Thành	100.000	17.400			82.600			Nghị quyết 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
15	Đường dây 500kV Bình Dương 1 - Chơn Thành	0,50	ONT,CLN	Minh Thành	700			700				Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
16	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	5,00	ODT, CLN, DGT, SON, LUK(1,226ha),	Minh Hưng	50.000	7.000			43.000			Nghị quyết 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
17	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng III mở rộng	6,00	ODT, CLN, DGT, LUK(0,123ha) HNK, SON,	Minh Hưng	50.000	5.000			45.000			Nghị quyết 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
18	Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ Quốc Lộ 14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	9,75	ODT, CLN, DGT	Hưng Long	54.000	24.146			35.854			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

19	Mở rộng đường trục chính cụm công nghiệp và khu công nghiệp công nghệ cao Nha Bích	9,60	DGT, SON, CLN, ONT	Nha Bích	8.000	8.000						Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
20	Xây dựng đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	55,34	ODT, CLN, DGT	Minh Hưng, Minh Long	72.000	22.040			322.960		1.105.000	Nghị quyết 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
21	Trạm biến áp 110kV Tân Hưng và Đường dây 110kV Nhánh rẽ đấu nối Trạm biến áp 110kV Tân Hưng	0,40	CLN	Minh Lập, Quang Minh	157.000			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Tổng công ty Điện lực miền Nam	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
22	Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam đi xã Minh Lập	19,20	ONT, CLN	Minh Hưng, Nha Bích, Minh Thắng, Quang Minh, Minh Lập	117.000				117.000			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
23	Đường bê tông tổ 1, khu phố 6 phường Hưng Long	2,00	CLN	Hưng Long								Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
24	Đường bê tông tổ 14 khu phố 6 phường Hưng Long	3,00	CLN	Hưng Long								Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
V	**Huyện Lộc Ninh**	**945,00**										
1	Khu chờ phục vụ công tác đối ngoại tại X16	2,00	RSX	Lộc Tấn		0						Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
2	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn tới Cửa khẩu Hoa Lư	58,46	CLN, ONT, DGT, LUK	Lộc Hòa, Lộc Thạnh, Lộc Tấn	450.000	50.000					400.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
3	Nâng cấp mở rộng đường từ Ngã Ba Đồng Tâm - Tà Thiết	55,74	CLN, ONT	Lộc Thành, Lộc Thịnh, Lộc Hưng		11.000						Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
4	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Bội Châu, đường vành đai thị trấn Lộc Ninh	1,50	CLN	TT. Lộc Ninh	12.000		12.000					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
5	Đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biến đi cầu Đỏ, xã Lộc Điền)	8,00	CLN	TT. Lộc Ninh, Lộc Thái	150.000		150.000			15.000	135.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

6	Công trình đường dây 110KV nhánh rẽ đấu nối trạm 110KV Hoa Lư	0,76	CLN; DGT; SON	Lộc Thuận; Lộc Hiệp; Lộc An; Lộc tấn; Lộc Hòa; Lộc Thạnh	186.000			Vốn của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam			Vốn của Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
7	Xây dựng đường giao thông phía tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	108,95	CLN, ONT, RSX, DTL, DGT	Lộc Tấn; Lộc Thiện, Lộc Thịnh; Lộc Thành, Lộc Tấn	1.450.000	89.925			255.075		1.105.000	Gom dự án số 11 và 21 trong Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
8	Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Ledana	425,00	RSX	Lộc Thạnh				77.000			77.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
9	Khu xử lý chất thải tập trung của huyện	40,00	RSX	Lộc Thạnh			7.000			7.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
10	Dự án cụm hồ tỉnh Bình Phước	60,00	CLN, SON, ONT, DGT, LUK, HNK	Lộc Khánh, TT. Lộc Ninh	240.000			80.000			160.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
11	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước	10,60	CLN, SON, ONT, LUK	Lộc Thạnh, Lộc Quang, Lộc An, Lộc Hòa	587.139	10.800			185.594		390.745	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024
12	Mỏ đá vôi Xi măng Hà Tiên	142,36	RSX	Lộc Thịnh, Lộc Thành	1.143.000			x			1.143.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh
13	Đường liên xã Lộc Thuận - Lộc Hiệp - Lộc Quang kết nối đường ĐT 756 và ĐT 759B	3,00	CLN	Lộc Thuận, Lộc Hiệp, Lộc Quang	100.000		x		100.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
14	Cải tạo suối chống hạn (đoạn từ chân đập nước Lộc Tấn đến cầu Lâm trường)	4,00	CLN	Lộc Tấn, TT. Lộc Ninh	100.000		x		100.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
15	Xây dựng công trình quốc phòng SB-2021 của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Phước	0,96	CLN	Lộc Tấn, Lộc Hòa, Lộc Thiện				0			Ngân sách quốc phòng	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
	Trong đó:	0,12	CLN	Lộc Tấn								
		0,12	CLN	Lộc Hòa								
		0,72	CLN	Lộc Thiện								
16	Đường Liên xã Lộc Điền - Lộc Quang	0,03	CLN	Lộc Điền	1.000					1.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
17	Trường Mẫu giáo xã Lộc Thái	1,50	CLN	Lộc Thái	20.000		x		20.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
18	Mở rộng Sở chỉ huy Ban Chỉ huy quân sự huyện	4,98	CLN	Lộc Tấn	3.000		3.000					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

19	Xây dựng Thao trường huấn luyện cBB31/Ban CHQS huyện	10,00	CLN	Lộc An	6.000		5.000			1.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
20	Đường từ Đồn Biên phòng Lộc Thiện đi đường tuần tra biên giới	4,20	RSX	Lộc Thiện	15.000			x			15.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
21	Đường điện vùng lõi căn cứ hậu cần	1,00	CLN	Lộc Thuận								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
22	Mở rộng trường tiểu học Lộc Quang	1,00	CLN	Lộc Quang	32.000		5.000					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
VI	**Huyện Hớn Quản**	**611,68**										
1	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương	6,50	LUC	An Khương	30.000		1.700			28.300		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ Khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico, huyện Hớn Quản.	6,00	CLN, ONT	Đồng Nơ, Minh Đức	185.000	10.480			174.520			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
3	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản.	4,00	CLN, ONT	Tân Khai, Phước An, Đồng Nơ, Minh Đức	6.700	6.700						Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
4	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan	16,00	CLN, ONT, ODT	Tân Khai, Phước An, Tân Quan	180.000		60.000			120.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
		0,12	LUK									
5	Xây dựng đường từ xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản đi xã Long Tân, huyện Phú Riềng	14,00	CLN, ONT	Tân Hưng	100.000	10.000			90.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
		0,50	LUA									
6	Nâng cấp đường vào cầu Huyện ủy và đường Khu phố 1, thị trấn Tân Khai	0,20	CLN	Tân Khai	300		300					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
7	Xây dựng đường Đông Tây 9	2,00	CLN	Tân Khai	18.000		4.300			13.700		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
8	Thu hồi đất Ban quản lý khu kinh tế giao về địa phương để quản lý	13,61	CLN	Tân Lợi	10.888		10.888					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
9	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt.Kiều, huyện Hớn Quản.	27,00	CLN, ONT	Thanh Bình, Minh Đức	270.000	20.000			250.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.

10	Mỏ đá vôi Thanh Lương	198,06	CLN	An Phú, Minh Tâm	785.000			237.672				Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
11	Xây dựng đường kết nối ngang Quốc lộ 13 và tuyến Tây Quốc lộ 13 đoạn Chơn Thành-Hoa Lư	22,62	ONT, CLN, CAN, DGT, DTL, LUK và các loại đất khác	Minh Tâm	150.000		24.000			126.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh.
12	Cải tạo, nạo vét suối Xa Cát	57,00	CLN, LUK	Phước An, Thanh Bình, Tân Khai, Tân Quan	70.000			12.000			58.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
13	Khu dân cư Thanh Bình	1,88	CLN	Thanh Bình	2.000	2.000						Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
14	Dự án cụm hồ tỉnh Bình Phước	15,00	CLN, SON, ONT, DGT, HNK	An Khương	240.000			20.000			220.000	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
15		2,40	CLN, SON, ONT, DGT, HNK									Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
16	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào KCN Minh Hưng-Sikico mở rộng	4,87	CLN, SON, DGT	Đồng Nơ	50.000	6.563			43.437			Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
		3,50	RSX									
17	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài KCN Tân Khai II (nối tiếp)	3,58	CLN, DTL, NTS	Tân Khai	50.000	8.570			41.430			Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
		1,49	LUK	Tân Khai								
18	TBA 110kV Tân Hưng và Đường dây 110kV Nhánh sẽ đấu nối TBA 110kV Tân Hưng	0,29	CLN	Phước An, Tân Quan, TT Tân Khai	157.752			3.889			153.863	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
19	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9)	15,30	CLN, ONT, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Hiệp, Đồng Nơ	587.139	25.000			171.394		390.745	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
20	Mở rộng để định hình lộ giới 52m cho công trình đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	11,10	CLN, LUK	Phước An, Tân Quan	50.000	41.000			9.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
		1,80	LUK									
21	Nâng cấp đường sỏi đỏ vào Sóc Xoài Nhỏ, ấp Hưng Phát, xã Tân Hưng	3,90	CLN	Tân Hưng	3.600		3.600					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

22	Dự án xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Tân Khai II	3,53	CLN, ONT, SKC, SON	Tân Khai	15.000	550			550			Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
23	Khu đô thị mới Nam An Lộc	40,60	CLN và các loại đất khác	Thanh Bình		13.267						Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
24	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài Khu công nghiệp Việt Kiều	0,12	LUK	Thanh Bình								Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh
25	Xây dựng đường giao thông phía Tây Quốc lộ 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	98,60	CLN; ONT; DGT; RSX (10,5ha)	An Phú, Minh Đức, Minh Tâm, Tân Hiệp	1.450.000	89.925			1.360.075			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
		10,76	RSX	Minh Đức								
		25,35	CAN, SKC, SKS, SON, SKX	Minh Đức, Minh Tâm								
VII	**Huyện Bù Gia Mập**	**497,03**										
1	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối thị xã Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến Quốc lộ 14C)	18,40	CLN	Xã Phú Nghĩa	75.000	11.000			64.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng đường vành đai TTHC huyện	8,50	CLN	Xã Phú Nghĩa	35.000		8.500			26.500		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
3	Xây dựng đường vành đai ngoài trung tâm hành chính huyện (đoạn từ ĐT 741 đến ĐT 760)	8,50	ONT;CLN	Xã Phú Nghĩa	25.000		2.250			22.750		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
4	Xây dựng các tuyến đường TTHC huyện	10,70	CLN	Xã Phú Nghĩa	90.000	5.000			85.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
5	Hoàn thiện hạ tầng khu TTHC huyện	0,69	ONT;CLN	Xã Phú Nghĩa	32.000		3.000			29.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
6	Xây dựng đường từ ĐT 760 kết nối đường ĐH 09 xã Đức Hạnh	5,00	CLN	Đức Hạnh (3); Phú Nghĩa (2)	23.000		1.800			21.200		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước

7	Xây dựng đường liên xã Phú Nghĩa đi Phú Văn	6,70	CLN	Phú Nghĩa 94,7); Phú Văn (2)	54.000	6.700			47.300			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
8	Xây dựng kết cấu hạ tầng TTHC xã Đức Hạnh	0,80	ONT;CLN	Xã Đức Hạnh	20.000			1.000		19.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
9	Xây dựng đường và cầu từ xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	4,55	ONT;CLN	Xã Bình Thắng	65.000	4.000			61.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.09 (từ ĐT 741 đi xã Đức Hạnh)	4,35	ONT;CLN	Phú Nghĩa (3); Đức Hạnh (1,35)	19.000		1.000			18.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
11	Hỗ trợ di dân thực hiện ĐCĐC cho đồng bào DS xã Đắk Ơ (Hạng mục: đường từ thôn Cây Da xã Phú Văn đến thôn Đắk Á xã Bù Gia Mập)	7,06	CLN; RSX;RPH	Xã Bù Gia Mập (3); Phú Văn (4,06)	48.000		3.000			45.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
12	Xây dựng hạ tầng kĩ thuật khu dân cư Đa Kia	0,18	CLN	Xã Đa Kia	30.000		100			29.900		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
13	Dự án xã Đắk Ơ, huyện Bù Gia Mập	14,41	ONT;CLN	Xã Đak Ơ	51.750			300			51.450	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
14	Dự án xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập	4,34	ONT;CLN	Xã Bù Gia Mập	78.182			2.000			76.182	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
15	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng các tuyến đường Trung tâm xã Phước Minh	4,50	ONT;CLN	Xã Phước Minh	20.000		3.000			17.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
16	Xây dựng đường ĐH 16 từ ĐT 760 đi phường Long Phước, thị xã Phước Long	7,50	CLN	Xã Đa Kia	36.000		6.000			30.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
17	Xây dựng kết cấu hạ tầng Trung tâm xã Bình Thắng	2,80	ONT	Xã Bình Thắng	20.000		2.000			18.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
18	Xây dựng kết cấu hạ tầng Trung tâm xã Bù Gia Mập	5,98	ONT;CLN	Xã Bù Gia Mập	40.000		2.000			38.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước

19	Xây dựng đập làm hồ nước cung cấp cho TTHC huyện và đường đấu nối tuyến đường ĐT 760 chạy qua TTHC huyện	95,30	LUK; CLN	Xã Phú Nghĩa	90.000	50.000			40.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
20	Xây dựng các hồ chứa nước nhỏ tại các xã Bù Gia Mập, Đăk Ơ và Đa Kia	3,50	ONT; CLN; HNK	xã Bù Gia Mập; Đắk Ơ ; Đa Kia	20.000		3.500			16.500		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
21	Điểm dân cư biên giới xã Đăk Ơ	10,00	RSX	Thôn 10, xã Đăk Ơ								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
22	Dự án di dời và ổn định dân di cư tự do ra khỏi lâm phần rừng phòng hộ BQLRPH Đăk Mai	33,27	RSX	Thôn 10, xã Đăk Ơ								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
23	Các dự án đầu tư phát triển kinh tế (Quy hoạch khu nông nghiệp công nghệ cao)	240,00	RSX	xã Đăk Ơ								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
VIII	**Huyện Bù Đốp**	**32,10**										
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 759B (từ đồn biên phòng 789 đi sông măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu)	4,63	RSX; CLN; CQP; TMD; SKC; TSC; RPH	Hưng Phước; Phước Thiện	110.000	11.000			99.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
2	Xây dựng đường giao thông nông thôn từ ĐT 759B đi ấp 4 Hưng Phước (khu tái định cư đập thủy lợi Bù Tam) ra đường tuần tra biên giới, huyện Bù Đốp	0,68	CLN	Hưng Phước	15.000					15.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
3	Xây dựng đường điện cho khu dân cư liền kề Đồn Biên phòng Bù Đốp tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp	0,42	CLN	Hưng Phước								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
4	Nâng cấp láng nhựa đường từ đường ĐT 759B đi rừng đầu nguồn Phước Thiện, Bù Đốp	3,04	RSX	Phước Thiện	22.000					22.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước

5	Xây dựng đường vào các Đồn Biên phòng Đắk Ơ - huyện Bù Gia Mập, xã Phước Thiện - huyện Bù Đốp, xã Lộc An, xã Lộc Thiện - huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	8,33	RSX; RPH	Phước Thiện	150.000				150.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
6	Dự án hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước (ADB9) (tên cũ: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu - Thành phần tỉnh Bình Phước (ADB9)	15,00	LUK; CLN; DGT; ONT; ODT	Tân Tiến; Tân Thành; Thanh Hòa; Thanh Bình	587.139	20.000			176.394		390.745	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
IX	**Huyện Phú Riềng**	**634,32**										
1	Đường ĐT741 (mở rộng)	9,85	CLN, ONT	Bình Tân, Long Hưng, Bù Nho, Phú Riềng	615.000			315.000			300.000	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
2	Đường dây 110 KV trạm 110 KV Phước Long - Trạm 110KV Đồng Xoài	0,53	CLN	Bình Tân, Long Hưng, Bù Nho, Phú Riềng, Long Tân	175.200			17.700			157.500	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
3	Trạm 110 KV Đức Liễu và ĐD 110KV trạm 110KV Bù Đăng - 110 KV Đức Liễu	0,80	CLN	Phước Tân	172.800			9.600			163.200	Nghị quyết 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
4	Trạm 110 KV Phú Riềng và nhánh rẽ đấu nối trạm 110 KV Phú Riềng	0,23	CLN	Bù Nho, Long Tân	85.500			5.200			80.300	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
5	Lộ ra 110 KV từ trạm từ trạm 220kv phước Long (2 mạch)	0,93	CLN	Bù Nho, Phước Tân	117.200			9.700			107.500	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
6	Lộ ra 110 KV từ trạm từ trạm 220kv Phước Long (4 mạch)	0,16	CLN	Bù Nho, Long Tân	30.600			1.600			29.000	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
7	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	19,00	DGT, CLN, ONT	Long Tân, Bù Nho	138.000		38.000		100.000			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
8	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	7,00	CLN	Long Tân, Bù Nho	80.000	5.000			75.000			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

9	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	8,00	DGT, CLN, ONT	Long Bình	62.000	16.000			46.000			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
10	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	26,00	DGT, NTS CLN, ONT	Phú Riềng, Long Tân	100.000	5.000			95.000			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
11	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường N8 TTHC huyện Phú Riềng	1,70	DGT, CLN, NTS	Bù Nho	19.590		5.000			14.590		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
12	Xây dựng kè đá và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch Phú Riềng.	28,40	CLN, MNC, NTS	Bù Nho	150.000		30.000			120.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
13	Nâng cấp đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng.	8,40	DGT, CLN, ONT	Phú Riềng, Phú Trung	128.000		8.000		120.000			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
14	Nâng cấp sửa chữa đường Bình Tân - Phước Tân	0,79	CLN	Bình Tân, Phước Tân	1.200		Không bồi thường về đất			1.200		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
15	San lấp mặt bằng và xây dựng đường D9, D6, D5a Khu TĐC TTHC huyện	0,97	CLN, ONT	Bù Nho	18.600		4.100			14.500		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
16	Xây dựng đường D6, D5a (nối tiếp khu TĐC) Khu TTHC huyện	1,10	CLN	Bù Nho	17.810		5.000			12.810		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
17	Xây dựng đường N4 (ĐT 741 - D7) Khu TTHC huyện	0,90	CLN	Bù Nho	9.400		3.900			5.500		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
18	Xây dựng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Tân Phú 1 Khu TTHC huyện	1,00	CLN, NTS,ONT	Bù Nho	18.900		4.000			14.900		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
19	Xây dựng đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước đường D6 (N6-N7), N6 (ĐT741-D5c, D6-D9), D3e Khu TTHC huyện	0,50	CLN, NTS,ONT	Bù Nho	15.500		1.500			14.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
20	Xây dựng đường liên xã Phú Trung - Phước Tân (Kết nối ĐH312 - ĐT759)	38,00	CLN, ONT, DGT	Phú Riềng,Phú Trung, Phước Tân	120.000		12.000		108.000			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

21	NVH thôn Phước Tân	0,04	CLN	Bình Tân	300		Không bồi thường về đất			300		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
22	NVH thôn Bình Hiếu	0,05	TIN	Bình Tân	300		Không bồi thường về đất			300		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
23	Đường liên thôn Phước Hòa - Phước Tân	0,90	CLN	Bình Tân	900		Không bồi thường về đất			900		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
24	Đất Quy hoạch phát triển các khu đô thị (Khu dân cư Phú Riềng Đỏ 2)	273,30	CLN	Phú Riềng	92.000	92.000						Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
25	Nhánh rẽ và trạm 110kV thủy điện Long Hà	1,80	CLN, SON	Long Hà	3.600			1.800			1.800	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
26	Thu hồi đất thực hiện đấu giá tạo quỹ phát triển hạ tầng cho huyện	13,00	CLN	Bù Nho	1.500	Không bồi thường về đất				1.500		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
27	Thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng các trụ sở khối cung cấp dịch vụ (Ngân hàng, bưu chính, ...) thuộc Khu TTHC huyện Phú Riềng	2,45	CLN, ONT	Bù Nho	2.500	2.500						Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
28	Thu hồi đất thực hiện khu thương mại dịch vụ (Khu TTHC huyện Phú Riềng)	2,40	CLN,ONT	Bù Nho	2.500	2.500						Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
29	Thu hồi đất thực hiện khu tái định cư (Khu TTHC huyện Phú Riềng)	2,30	CLN,ONT	Bù Nho	2.500	2.500						Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
30	Trụ sở Trung tâm Y tế huyện Phú Riềng (Khu TTHC huyện Phú Riềng)	0,20	CLN,ONT	Bù Nho	1.000	1.000						Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
31	Xây dựng đường, hệ thống thoát nước, vỉa hè đường gom (đoạn 2) TTHC huyện Phú Riềng	4,10	CLN, ONT	Bù Nho	40.000		3.000			37.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
32	Xây dựng đường liên xã Long Bình đi Bình Sơn huyện Phú Riềng (ĐH Long Bình - Bình Sơn)	10,68	CLN, ONT	Long Bình, Bình Sơn	46.000		2.000			44.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

33	Xây dựng đường liên xã Phú Trung - Phước Tân	22,90	CLN, ONT	Phú Trung, Phước Tân	33.000		3.000			30.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
34	Xây dựng đường từ trường cấp II-III Long Phú đi xã Bình Tân	20,50	CLN, ONT, SON	Bù Nho, Phú Riềng, Bình Tân	30.000		1.000			29.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
35	Nâng cấp MR đường trước UBND xã Long Tân đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	1,00	CLN, ONT	Long Tân, Long Hà	10.000					10.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
36	GPMB, ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình Xây dựng đường từ dọc Sông Bé từ giáp ranh huyện Đồng Phú đến đường kết nối 2 KCN Long Tân - Long Hà	15,50	CLN, NTS, ONT	Long Tân, Long Hà, Long Bình	25.000	5.000				20.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
37	Xây dựng láng nhựa đường ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền Long Phước)	1,50	CLN	Bình Tân	10.000	50			9.950			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
38	Xây dựng đường láng nhựa từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá, thị xã Phước Long)	1,50	CLN	Bình Tân	10.000	50			9.950			Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
39	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Bình Sơn, huyện Phú Riềng	10,15	CLN, SON, ONT	Long Hưng, Bình Sơn	15.000		500			14.500		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
40	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Long Hưng đi Long Bình, huyện Phú Riềng	20,30	CLN, SON, ONT	Long Hưng, Long Bình	25.000		1.000			24.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
41	Xây dựng hệ thống vỉa hè, hạ tầng kỹ thuật và san lấp mặt bằng khu dân cư Phú Riềng (13,9 ha)	13,90	CLN, SON, ONT	Bù Nho	20.500		2.000			18.500		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

42	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé - Giai đoạn 2	25,00	CLN, SON, ONT	Long Tân, Long Hà, Long Bình	40.000		3.000			37.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
43	Xây dựng 04 phòng học lầu trường TH Phú Riềng B (điểm thôn Phú Thuận)	0,02	CLN	Phú Riềng	3.500		100			3.400		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
44	Xây dựng 10 phòng học lầu trường TH và THCS Trần Phú (điểm thôn Bình Trung)	0,04	CLN	Phước Tân	6.740		200			6.540		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
45	Xây dựng 06 phòng học lầu trường TH Vừ A Dính (điểm lẻ Thôn 7)	0,06	CLN	Long Bình	4.000		300			3.700		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
46	Nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt công nghiệp và nguy hại	35,75	CLN	Bình Tân	535.300			31.500			220.300	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
47	Xây dựng Nhà văn hóa thôn Phú Tâm, Phú Trung	0,30	CLN	Phú Trung	1.139		không bồi thường			1.106	33	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
48	Xây dựng đường vào Nhà văn hóa thôn Phú Tâm, xã Phú Trung (công trình phụ trợ)	0,10	CLN	Phú Trung	219		không bồi thường			186	33	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
49	Xây dựng 03 phòng học Trường TH Long Hà C (điểm Phu Mang 1)	0,00	CLN	Long Hà	3.000			10		3.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
50	Đầu tư kéo điện trung thế tại Thôn 6, xã Long Tân (Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số)	0,02	CLN	Long Tân	1.334		Không bồi thường về đất		116	58	1.160	Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
51	Xây cổng, hàng rào, làm đường bê tông điểm thôn 9, Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	0,09	CLN	Long Bình	707		Không bồi thường về đất			707		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
52	Xây dựng 04 phòng học lầu trường Mẫu giáo Tuổi Thơ (Điểm lẻ Thôn 9)	0,21	CLN	Long Bình	4.000		Không bồi thường về đất			4.000		Nghị quyết 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
X	**Huyện Đồng Phú**	**1.104,67**										

1	Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc-Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	188,00	CLN, ONT, DGT, DTL, LUK (7,87ha) và các loại khác	Tân Hưng, Tân Phước, Đồng Tiến, Đồng Tâm	3.000.000	436.000			797.500		1.766.500	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
2	Mở rộng Khu công nghiệp Nam Đồng Phú	150,00	CLN và các loại đất khác	Tân Lập	432.000			432.000			X	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
3	Mở rộng Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú	132,50	CLN và các loại đất khác	i trấn Tân P	117.000			117.000			X	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
4	Công trình "lộ ra Đường dây 110kV từ trạm 220kV Chơn Thành (02 mạch)	0,27	ODT, CLN	thị trấn Tân Phú	178.000						178.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
5	Công trình Đường dây 110kV trạm 110kv Phước Long - trạm 110kV Đồng Xoài	0,35	ONT, CLN	Thuận Phú, Thuận Lợi	175.000			18.000			157.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
6	Trạm 110KV khu CN Bắc Đồng Phú và nhánh rẽ trạm 110 KV khu CN Bắc ĐP	0,58	ODT, CLN	thị trấn Tân Phú, Tân Lợi	112.000			6.000			106.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
7	Đường dây 110kV Đồng Xoài-Phú Giáo	0,92	ONT, CLN	Tân Phước, Tân Lợi, Tân Tiến, Tân Lập,	215.000			27.000			188.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
8	Dự án Xây dựng đường kết nối ngang QL14 với tuyến ĐT.755 nối ĐT.753	28,96	ONT, CLN, DGT, DTL	Đồng Tiến, Tân Phước	100.000	20.000			77.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
		3,20	RSX	Tân Phước		3.000						
9	Xây dựng tuyến kết nối ĐT 753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	10,00	ONT, CLN, DGT, DTL, NTD và các loại đất khác	Tân Phước, Đồng Tâm	200.000	30.000			167.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
		7,69	RSX			3.000						
10	Đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	10,00	CLN, ONT, DTL, ODT	Tân Phú, Tân Tiến, Tân Lập	220.000			20.000			200.000	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
11	Xây dựng Đường Đồng Tiến - Tân Phú	11,30	CLN, ONT, DGT, DTL, LUK (0,05ha)	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú	180.000	33.000			147.000			Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
12	Xây dựng đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn từ ĐT 753 đến ranh tỉnh Bình Dương)	158,00	CLN, DGT, NTS, SON, và các loại đất khác	Tân Lợi, Tân Lập, Tân Hòa, Tân Hưng	960.000	474.000			486.000			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

13	Nâng cấp, mở rộng ĐT. 753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	27,26	ONT, CLN, DGT, DTL	Tân Phước, Tân Hưng,	480.000	15.000			232.266		232.734	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
14	Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	60,00	ODT, ONT, CLN, DGT, SON, CCC, CSK, HNK, LUK	Đồng Tiến, Tân Phước, Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Phú	646.000	186.000					460.000	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
15	Dự án nâng cấp mở rộng ĐT 741	24,63	CLN	Tân Phú, Tân Lập, Tân Tiến, Thuận Phú, Thuận Lợi		53.000			X			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐNDtỉnh
16	Mương thoát nước đường ĐT 741	0,10	CLN	Tân Tiến		X					1.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
17	Mương thoát nước đường ĐT 741	0,09	CLN	Tân Lập		X					1.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐNDtỉnh
18	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Lập (Tuyến 1)	2,88	ONT, CLN, DGT, BHK, LUK và các loại đất khác	Tân Lập			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
19	Tuyến đi qua Nông trường Cao su Tân Tiến (Tuyến 2)	3,25	ONT, CLN, BHK, DGT, NTS, LUK và các lọa đất khác	Tân Tiến, Tân Hòa			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
20	Tuyến đi qua Khu QH dân cư mới xã Tân Tiến (Tuyến 3)	0,42	ONT, ODT, CLN, DGT và các loại đất khác	Tân Phú, Tân Tiến, Tân Hòa			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
21	Tuyến đường kết nối Tân phú - xã Tân Lợi và đường Đồng Phú - Bình Dương (Tuyến 4)	11,30	ODT, ONT, CLN, DGT, BHK, DTL và các loại đất khác	Tân Phú, Tân Lợi, Tân Hòa			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
22	Xây dựng đường từ ĐT 741 vào Khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	2,10	ONT,CLN	Tân Lập	10.900		9.556			1.344		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
23	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	4,07	ODT, CLN, DGT, DTL và các loại đất khác	Tân Phú			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

24	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	0,23	ODT, CLN, DGT và các loại đất khác	Tân Phú			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
25	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	1,38	ODT, CLN, DGT và các loại đất khác	Tân Phú			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
26	Xây dựng đường Tổ 9 kết nối giao thông với đường Phú Riềng Đỏ (đường Đông Tây 8), khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	0,50	ODT, CLN, DGT	Tân Phú			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
27	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	0,23	ODT, CLN	Tân Phú			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
28	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	6,85	ODT, CLN	Tân Phú			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
29	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	1,50	ODT, CLN	Tân Phú	9.000		3.000			6.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
30	Xây dựng đường quy hoạch D1 - Khu HC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	0,03	ONT, CLN	Tân Lập			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
31	Xây dựng đường giao thông kết nối từ ĐT. 758 xã Thuận Phú đến ranh huyện Phú Riềng	1,82	ONT,CLN và các loại đất khác	Thuận Phú	8.000					8.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
32	Nâng cấp mở rộng đường giao thông xà Tân Hòa di xã Tân Lợi	11,50	ONT,CLN, LUK và các loại đất khác	Tân Hòa, Tân Lợi	90.000					90.000		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
33	Xây dựng đường xuyên tâm Tân Hưng - Tân Lập	15,20	ONT, CLN, LUK và các loại đất khác	Tân Hưng, Tân Lợi, Tân Tiến, Tân Lập	180.000		48.800			131.200		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

34	Tuyến số 2: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường ĐT 741 (khoảng Km53,435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km32,600)	0,65	CLN	Tân Tiến, Tân Hòa	46.132		18.866			27.266		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
35	Xây dựng 04 phòng chức năng, nhà thi đấu đa năng, nhà xe, đường vào Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tân Lợi	0,09	ONT,CLN	Xã Tân Lợi	250					250		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
36	Xây dựng đường Tổ 23 nối dài đến đường kết nối Tây Nam Đồng Xoài, thị trấn Tân Phú	1,40	CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
37	Đường tổ 47, xã Tân Lập	0,35	CLN	Tân Lập			X					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
38	Xây dựng Cầu Ba Bi, Ba Điền - xã Tân Lập	0,36	ONT, CLN, DGT	Tân Lập				6.000			31.000	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
39	Đường Tôn Đức Thắng nối dài đến KCN Bắc Đồng Phú	0,86	ODT, CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
40	Đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Phạm Ngọc Thạch (Bắc Nam 2)- giai đoạn 2	1,50	CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
41	Mở rộng đường Đông Tây 9 (đất của ông Trần Văn Hoặc)	0,01	ODT, CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
42	Đường phía sau khu Hoa viên - Tượng đài (đất của bà Phạm Thị Nhuần)	0,06	CLN	Tân Phú			X					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
43	Thu hồi đất để phát triển kinh tế địa phương	10,98	CLN	Tân Tiến			X					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
44	Khu dân cư tập trung kết hợp cơ quan hành chính nhà nước, trường học tại xã Tân Tiến	90,38	CLN, DGT và các loại đất khác	Tân Tiến			X					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
45	Khu dân cư Chợ Thuận Phú	7,50	CLN	xã Thuận Phú			X					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
46	Khu dân cư tập trung ấp 4, xã Tân Lập	16,39	CLN	xã Tân Lập			X					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

47	Thu hồi đất của Công ty Cao su Đồng Phú giao về cho địa phương quản lý để xây dựng công trình phúc lợi xã hội	1,81	CLN	Thuận Lợi			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
48	Đất mở rộng để xây dựng nhà văn hóa và khu thể thao ấp 6	0,30	CLN	Tân Lập			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
49	Đất mở rộng để xây dựng nhà văn hóa và khu thể thao ấp 7	0,30	CLN	Tân Lập			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
50	Diện tích đất dự kiến làm công viên khu tượng đài	0,23	CLN	Thuận Phú			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
51	Cụm công nghiệp Tân Hưng	69,00	CLN	Tân Hưng			50.000				X	Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
52	Trụ sở công an xã Tân Tiến	0,19	CLN	Tân Tiến			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
53	Trụ sở công an xã Thuận Phú	0,20	CLN	Thuận Phú			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
54	Trụ sở công an xã Thuận Lợi	0,15	CLN; SON	Thuận Lợi			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
55	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Nam Đồng Phú	6,00	CLN, DGT, ONT	Tân Lập		X			X			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
56	Khu dân cư tập trung ấp 1, xã Tân Lập	7,45	CLN	Tân Lập			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
57	Điểm chung chuyển rác ấp Thuận Hòa 1	0,12	CLN	Thuận Lợi			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
58	Nhà văn hóa ấp, Trường tiểu học, Trường mầm non và khu vui chơi giải trí ấp Thuận Hòa 2	1,58	CLN	xã Thuận Lợi			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
59	Điểm chung chuyển rác	0,10	CLN	xã Tân Tiến			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
60	Điểm chung chuyển rác ấp Thuận Phú 2	0,12	CLN	Thuận Phú			X			X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
61	Đường BTXM tổ 36, khu phố Thắng Lợi (Thửa đất số 281 -Tờ bản đồ số 20)	0,02	CLN	TT.Tân Phú						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

62	Đường BTXM Tổ Bàu 4B - An Hòa	0,09	CLN	Tân Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
63	Đường BTXM Tổ Bàu 3 - An Hòa và Tổ Bàu 3 - An Hòa nối dài	0,59	CLN	Tân Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
64	Đường BTXM Tổ QK9 – An Hòa	0,77	CLN	Tân Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
65	Đường BTXM Tổ 21B – Minh Tân	0,11	CLN	Tân Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
66	Đường BTXM Tổ Hùm 2 - Ấp Chợ	0,07	CLN	Tân Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
67	Đường BTXM Tổ 47 nối dài - ấp Thái Dũng	0,06	CLN	Tân Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
68	Đường BTXM Tổ 2 - ấp Tân Hà	0,07	CLN	Tân Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
69	Đường BTXM tổ Đội 5, ấp Chợ	0,28	CLN	Tân Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
70	Đường BTXM đội 5 ấp 4 (từ nhà Bé 3 đến nhà Nguyễn Thị Nàng)	0,06	CLN	Đồng Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
71	Đường BTXM đội 4, ấp 4 (từ ông Bình đến nhà ông Lực)	0,10	CLN	Đồng Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
72	Đường BTXM Hẻm 3 đội 3 ấp 4	0,10	CLN	Đồng Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
73	Đường BTXM Hẻm 1 đội 4A ấp 4	0,10	CLN	Đồng Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
74	Đường BTXM Hẻm 5 đội 7 ấp Cầu 2	0,05	CLN	Đồng Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
75	Đường BTXM Đội 4 ấp 3	0,06	CLN	Đồng Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
76	Đường BTXM Đội 5, ấp 2	0,23	CLN	Đồng Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

77	Đường BTXM đội 5 ấp 1 đến đội 1 ấp 1	0,24	CLN	Đồng Tâm						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
78	Đường BTXM Đội 5 ấp 2	0,16	CLN	Đồng Tâm						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
79	Đường BTXM Đội 2 ấp 3	1,33	CLN	Đồng Tâm						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
80	Đường BTXM đội 1 ấp 1	0,21	CLN	Đồng Tâm						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
81	Đường BTXM Đội 6 ấp 2	0,65	CLN	Đồng Tâm						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
82	Đường BTXM Tổ 1 ấp Thuận Tiến	0,14	CLN	Thuận Lợi						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
83	Đường BTXM ấp Thuận Hòa 1 (từ nhà ông Thanh Tô đến nhà ông Nguyễn Văn Hoàng)	0,09	CLN	Thuận Lợi						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
84	Đường BTXM ấp Thuận Tân (từ nhà ông Đinh Xuân Hương đến nhà ông Nông Văn Đức)	0,51	CLN	Thuận Lợi						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
85	Đường BTXM tổ 2, ấp Tân Phú (Lô 6 đến nhà ông Thanh)	0,23	CLN	Thuận Phú						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
86	Đường BTXM tổ 2, ấp Bù Xăng (từ nhà ông Viễn đến nhà ông Tùng)	0,20	CLN	Thuận Phú						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh
87	Đường BTXM ấp Bù Xăng (từ nhà ông Thọ đến nhà ông Chi)	0,15	CLN	Thuận Phú						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
88	Đường BTXM tổ 4, ấp Đồng Bùa (Trại gà Hùng Nhơn)	0,48	CLN	Thuận Phú						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
89	Đường BTXM ấp Đồng Bia (từ nhà ông Thánh đến nhà ông Hỏ)	0,53	CLN	Tân Lợi						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
90	Đường GTNT tổ 3, ấp Quân Y (người sử dụng đất Nguyễn Văn Dũng)	0,21	CLN	Tân Lợi						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
91	Đường BTXM kết nối ĐH Tân Phú – Tân Phước với đường Đồng Tiến – Tân Phú	0,78	CLN	Tân Lợi						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

92	Thu hồi đất trường Mầm non Đồng Tiến ấp 5(giáp đất bà Nguyệt)	0,10	CLN	Đồng Tiến						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
93	Nâng cấp, sửa chữa đường từ Nhà văn hóa ấp Dên Dên đến làng Hải Phong ấp Dên Dên	0,30	CLN	ấp Dên Dên, thị trấn Tân Phú						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
94	Thu hồi một phần diện tích đất của ông Lê Văn Quý và bà Mai Thị Giang làm đường đi chung cho các hộ dân	0,41	CLN	ấp Suối Đôi xã Tân Hưng						X		Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
XI	**Huyện Bù Đăng**	**764,46**										
1	Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam, phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đăk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	500,00	CLN, ONT, DGT, DTL, SON, RSX, TSC, DNL, NTD và các loại đất khác	Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Đức Liễu, Thống Nhất, Phước Sơn, Đoàn Kết, Thọ Sơn, Phú Sơn, Đồng Nai	3.977.000	590.000			643.500		2.743.500	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
2	Trạm 110kV Đức Liễu và ĐD 110kV Trạm 110kV Bù Đăng - 110kV Đức Liễu	1,45	CLN, ODT, DGT	Minh Hưng, Nghĩa Bình, Nghĩa Trung, Đức Liễu	172.808			9.622			172.798	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước
3	Lộ ra 110kV từ Trạm 220kV Phước Long (2 mạch)	0,04	CLN	Nghĩa Bình	117.242			9.711			117.232	Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước
4	Xây dựng đường liên xã từ Bình Minh đi Minh Hưng	6,30	CLN	Bình Minh	30.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
5	Xây dựng hệ thống kênh mương tưới tiêu cho cánh đồng Đăng Hà, huyện Bù Đăng	11,00	HNK, CLN, LUK (0,5ha)	Đăng Hà	75.000	x						Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
6	Khu dân cư Lý Thường Kiệt	34,75	CLN, ODT	Đức Phong	50.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Phước
7	Khu Bảo tồn Văn hóa dân tộc S'Tiêng sóc Bom Bo	14,20	CLN, ONT	Bình Minh	2.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
8	Nạo vét, mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đăk Woa, huyện Bù Đăng	15,00	ODT, ONT CLN, SON, DGT, LUK (01ha)	Đức Phong, Đoàn Kết	138.000	16.899			121.101			Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

9	Xây dựng Trụ sở Công an huyện, Huyện ủy (bao gồm sân vườn, khuôn viên) và các cơ quan khác	15,00	CLN, ODT	Đức Phong	15.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
10	Xây dựng đường thâm nhập nhựa đường số 4 - số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300m, xã Đường 10	1,00	CLN, ONT	Đường 10	4.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
11	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong	1,70	CLN	Đức Phong	10.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
12	Xây dựng Vùng lõi CCHC-KT BCHQS Bù Đăng	30,00	CLN	Thống Nhất			12.048					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
13	Thảm nhựa nối tiếp đường liên xã Bom Bo - Đăk Nhau đến ngã tư Đăk Xuyên	1,50	CLN	Bom Bo	8.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
14	Xây dựng đường quanh Hồ 7 mẫu	2,00	CLN, ODT	Đức Phong	39.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
15	Nối dài đường từ Cây xăng Chung chiều sang Khu dân cư Đak Xuyên	0,49	CLN	Đăk Nhau	3.000			x				Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
16	Thảm nhựa đường ngã 3 thôn Đak La hướng đi xã Thọ Sơn	1,30	CLN	Thọ Sơn, Phú Sơn, Đak Nhau			x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
17	Xây dựng đường ĐH16 đi chùa Thanh Đức	1,70	CLN	Đức Phong	5.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
18	Nâng cấp vỉa hè, mương thoát nước, điện chiếu sáng đường Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Đức Phong	9,50	CLN	Đức Phong	8.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
19	Xây dựng đường liên xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng tới xã Đak Ngo, huyện Tuy Đức	5,00	CLN	Đak Nhau	50.000		x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
20	Xây dựng đường vào Trường Tiểu học Đak Nhau	0,40	CLN	Đăk Nhau			x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
21	Xây dựng Trường Phổ thông DTNT THCS&THPT Điểu Ong tại điểm quy hoạch mới	3,00	CLN	Đoàn Kết								Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
22	Xây dựng Trụ sở Công an xã Đăng Hà	0,20	CLN	Đăng Hà			x					Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh
23	Mở rộng Trường bắn Bù Đăng, xã Đoàn Kết, huyện Bù Đăng	79,00	CLN: 72,2 LUK: 6,80	Đoàn Kết		x						Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh

24	Xây dựng các tuyến đường khu quy hoạch Trường PTDTNT THCS và THPT Điều Ong	1,00	CLN	Đoàn Kết	12.000		x			x		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
25	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã ba Lê Quý Đôn đến đường Nguyễn Thị Minh Khai, thị trấn Đức Phong	1,03	CLN, ODT	Đức Phong	10.000		x			x		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
26	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong *(thuộc Dự án Khu dân cư Lý Thường Kiệt)*	10,64	CLN, ODT	Đức Phong	109.000		x			x		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
27	Xây dựng Trạm y tế thị trấn Đức Phong	0,06	CLN, ODT	Đức Phong	6.000		x			x		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước
28	Xây dựng Khu tái định cư Dự án: Đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam, phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), đoạn qua địa phận huyện Bù Đăng	6,00	CLN, ODT	Đức Phong, Đoàn Kết	56.000	x			x			Công văn số 1422/UBND-KT ngày 19/4/2024 của UBND tỉnh
29	Xây dựng một số tuyến đường TTHC xã Đăng Hà	3,10	CLN	Đăng Hà	16.000		x			x		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước
30	Xây dựng khối Trụ sở UBND xã, Công an xã và Ban CHQS xã Đăng Hà	7,30	CLN, ONT	Đăng Hà	28.000		x			x		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước
31	Mở rộng Trường THCS Nghĩa Trung	0,50	CLN	Nghĩa Trung	18.600		x			x		Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
32	Xây dựng đường bê tông xi măng tổ 8, thôn 3, xã Nghĩa Trung (Trường Tiểu học Nghĩa Trung - Trường Mẫu giáo Sao Mai mới)	0,30	CLN	Nghĩa Trung								Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 của HĐND tỉnh
Tổng cộng		**8.972,06**										

Ghi chú (*):
CLN: Đất trồng cây lâu năm
ODT: Đất ở tại đô thị
ONT: Đất ở tại nông thôn
SKC: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
SON: Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối
DGT: Đất giao thông
DGD: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Phụ lục 02: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC
(DANH MỤC ĐĂNG KÝ MỚI)
(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

STT	Tên dự án	Diện tích thu hồi (ha)	Loại đất thu hồi (*)	Địa điểm thực hiện (đến cấp)	Tổng nguồn vốn thực hiện	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ			Kinh phí thực hiện			Căn cứ pháp lý
						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Nguồn vốn khác (vốn DN, vốn TW…)	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)= (7) + … + (12)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)*
A	**Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh**	**10,81**										
I	**Thị xã Chơn Thành**	**10,56**										
1	Trại tạm giam Công an tỉnh	10,56	CLN	Minh Lập								Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 8/9/2022, Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 3/3/2023 của UBND tỉnh
II	**Huyện Bù Đốp**	**0,25**										
1	Trụ sở công an xã Hưng Phước	0,25	CLN	Hưng Phước								Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh
B	**Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội (theo Điều 79, Luật đất đai 2024)**	**406,15**										
I	**Thành phố Đồng Xoài**	**60,39**										
1	Trạm 110kV Đồng Xoài 2 và nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV Đồng Xoài 2	0,73	CLN + ODT và các loại đất khác	Tiến Thành, Tiến Hưng, Tân Thành	101.848			Vốn vay AFD và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam			Vốn vay AFD và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam	Công văn số 4295/UBND-TH ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh
2	Đường dây 110kV Đồng Xoài - Phú Giáo	0,42	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Đồng, Tân Thiện, Tân Xuân	214.527			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam			Vốn vay tín dụng thương mại và vốn tự có của Công ty điện lực miền Nam	Công văn số 83/UBND-TH ngày 09/01/2023 của UBND tỉnh
3	Vận động GPMB đường Vành đai 1 (đoạn từ KCN Đồng Xoài III đến dự án KDC Tiến Hưng II)	0,71	ONT+ CLN	Tiến Hưng	140		Không bồi thường về đất, vận động hiến đất			140		Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 25/6/2024 của HĐND xã Tiến Hưng
4	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường vành đai 32m đến đường Võ Văn Tần)	1,41	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Bình	1.540					1.540		Nghị quyết 17/NQ-HĐND ngày 09/5/2024 của UBND phường Tân Bình

5	Vận động GPMB đường quy hoạch Tân Bình 3	0,78	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Bình	570		Không bồi thường về đất, vận động hiến đất			570		Nghị quyết 17/NQ-HĐND ngày 09/5/2024 của UBND phường Tân Bình
6	Xây dựng đường nối từ đường Trường Chinh đến đường Võ Văn Tần (đường QH N4), phường Tân Bình	1,40	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Bình	3.800		Không bồi thường về đất, vận động hiến đất			3.800		Nghị quyết số 35/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND thành phố
7	Đường Nguyễn Huệ nối dài (đoạn từ TTVH phường Tân Đồng đến đường Hồ Xuân Hương)	2,65	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Đồng	50.000		Không bồi thường về đất, vận động hiến đất					Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024; Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND thành phố
8	GPMB + Xây dựng đường vành đai (bên hông Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe) đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Hồ Xuân Hương, phường Tân Phú	0,84	CLN + ODT và các loại đất khác	Tân Phú	15.500		Không bồi thường về đất, vận động hiến đất			15.500		Nghị quyết số 36/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024; Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 14/10/2024 của HĐND thành phố
9	Nâng cấp, mở rộng hẻm 461	0,57	CLN	Tiến Hưng	510					510		Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 25/6/2024 của HĐND xã Tiến Hưng
10	Vận động GPMB đường QH số 34 (đường Hải Thượng Lãn Ông) đoạn từ KCN Đồng Xoài III đến đường ĐH 507	8,75	CLN	Tiến Hưng	185					185		Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 25/6/2024 của HĐND xã Tiến Hưng
11	Vận động GPMB đường QH số 41	5,00	CLN	Tân Thành	577					577		Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của UBND xã Tân Thành
12	Vận động GPMB đường ĐH Tân Phú-QL14	20,00	CLN, HNK	Tân Thành	571					571		Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của UBND xã Tân Thành
13	Vận động GPMB dự án đường nối vòng quanh hồ Phước Hòa với Khu công nghiệp Đồng Xoài I	14,10	CLN, HNK	Tân Thành	1.104					1.104		Nghị quyết 21/NQ-HĐND ngày 20/10/2023 của HĐND xã Tân Thành
14	Vận động GPMB đường QH D5	2,10	CLN	Tân Thành	730					730		Nghị quyết 15/NQ-HĐND ngày 06/6/2023 của HĐND xã Tân Thành
15	Xây dựng đường nối từ Mai Thúc Loan đến đường Võ Văn Tần, phường Tân Bình	0,93	CLN,ODT	phường Tân Bình	500					500		Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND phường Tân Bình
II	**Thị xã Bình Long**	**22,41**										
1	Xây dựng đường liên xã Thanh Phú - Thanh Lương (từ Qluốc lộ 13 đến ĐT 757)	19,44	CLN, ONT, LUK	xã Thanh Phú, xã Thanh Lương	360.000		100.000			260.000		Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND ngày 27/2/2024

2	Nâng cấp đường Hai Bà Trưng nối dài phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	0,57	CLN, ODT	phường Phú Thịnh	3.000		3.000			0		Quyết định số 2337a/QĐ-UBND ngày 14/10/2019
3	Xây dựng đường số 5 giáp trường chuyên Bình Long (đoạn từ HCT1 đến ĐT 752), phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	1,05	CLN, ODT	phường Hưng Chiến	12.619		12.619			0		Quyết định số 422a/QĐ-UBND ngày 28/02/2022
4	Nâng cấp mở rộng, láng nhựa đường tổ 5,6,7,8,10 ấp Thanh Hải, xã Thanh Lương	1,36	CLN, ONT	Xã Thanh Lương	17.103		17.103			0		Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 23/7/2024
III	**Thị xã Phước Long**	**8,09**										
1	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Thống Nhất (đoạn từ UBND phường Phước Bình đến ngã 3 Phước Quả)	0,15	CLN	Phường Phước Bình, xã Phước Tín	22.500		500			22.500		Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND thị xã
2	Xây dựng bờ kè chống sạt lở đường 6/1 (đoạn từ tượng đài Chiến thắng đến cầu Đắk Lung)	0,10	CLN	Phường Long Thủy	3.000		500			3.000		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã
3	Cải tạo một số tuyến đường nội ô phường Long Phước	0,10	CLN, ODT	Phường Long Phước	16.500		500			16.500		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã Phước Long
4	Đầu tư xây dựng vỉa hè và hệ thống chiếu sáng đường Lê Trọng Tấn, khu phố Phước An, phường Phước Bình	0,05	CLN, ODT	Phường Sơn Giang, phường Phước Bình	10.500		4.000			10.500		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã Phước Long
5	Đầu tư mở rộng hoàn thiện mặt đường theo quy hoạch, xây dựng hệ thống thoát nước đường Thống Nhất (Đoạn từ ngã ba Phước Quả đến giáp ranh xã Phước Tân)	2,90	CLN, SKC, ONT	Xã Phước Tín	40.000		10.000			40.000		NQ số 15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã Phước Long
6	Đầu tư hoàn thiện vỉa hè, hố trồng cây xanh đường Điện Biên Phủ (Đoạn từ ngã ba Phước Quả đến ngã ba Phước Lộc)	2,40	CLN	Xã Phước Tín	13.500		200			13.500		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND thị xã Phước Long

7	Nâng cấp, mở rộng Đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	0,23	CLN, ODT	Phường Long Thủy, Long Phước, xã Long Giang	55.000		4.000			55.000		Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh
8	Nâng cấp, mở rộng mặt đường và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường Lý Thái Tổ (từ cầu An Lương đến đường Lê Hồng Phong)	2,16	CLN	Phường Long Thủy	18.000		300			18.000		Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 29/7/2022 của HĐND thị xã Phước Long
IV	**Thị xã Chơn Thành**	**7,01**										
1	Xây dựng hệ thống thoát nước và sửa chữa tuyến đường N1 (đường khu phố 2 đi khu 4) phường Minh Hưng.	1,13	DGT+DTL	Minh Hưng	5.000	0	0	0	0	5.000	0	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11/3/2024 của HĐND thị xã
2	Đường liên khu phố 4 - 5 đến KCN Chơn Thành	4,68	CLN	Thành Tâm	100.000	4.000	0	0	96.000	0	0	Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 16/1/2023 của UBND tỉnh
3	Dự án xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	1,20	ONT, ODT, CLN, DGT, DTL, NTS, SON, LUK , BHK, DCK, RSN, RSX và các loại đất khác	Nha Bích, Minh Thành	1.474.000	442.370	0	0	31.630	0	1.000.000	Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ
V	**Huyện Lộc Ninh**	**9,35**										
1	Nhà văn hóa ấp Tân Lợi	0,15	CLN	Lộc Phú			x					Quyết định giao vốn của UBND huyện
2	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Lợi nối dài (đoạn từ cổng Công ty Cao su Lộc Ninh đi Nghĩa trang Làng 2)	2,00	CLN, DGT	xã Lộc Thuận, TT. Lộc Ninh	14,30		x					Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 29/7/2024 của HĐND huyện
3	Đường từ cầu ông Kỳ thị trấn Lộc Ninh đi xã Lộc Thuận	4,30	CLN, DGT	TT. Lộc Ninh, xã Lộc Thuận	45,00		0,50			44,50		Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện
4	Đường tổ 5, ấp Tam Nguyên xã Lộc Quang	2,90	CLN, DGT	xã Lộc Quang	17,00		0,50		16,50			Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 21/12/2023 của HĐND huyện
VI	**Huyện Hớn Quản**	**29,44**										
1	Trạm biến áp 110kV Sikico và nhánh rẽ đấu nối trạm 110kV Sikico	0,44	CLN, DGT	Đồng Nơ				x			x	Công văn số 119/SCT-QLNL ngày 18/01/2024 của Sở Công thương
		0,04	RSX	Đồng Nơ				x			x	Công văn số 51/CV-HV.2024 ngày 09/10/2024 của Công ty Hải Vương

2	Đầu tư xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp và hệ thống cấp nước thô phục vụ vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico	8,96	RSX	Tân Hiệp, Đồng Nơ				x			x	Công văn số 51/CV-HV.2024 ngày 09/10/2024 của Công ty Hải Vương
3	Nhà máy điện rác Tân Hưng Hớn Quản	20,00	CLN	Tân Hưng				x			x	Công văn số 1610/2024/VP-GHG ngày 16/10/2024 của Công ty TNHH MTV Greenity Hậu Giang
VII	**Huyện Bù Gia Mập**	**14,00**										
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH.19 (đoạn từ Quốc lộ 14 C đến thôn Bù Gia Phúc I)	4,00	CLN, ONT	Thôn Đức Lập và thôn Bù Gia Phúc I, xã Phú Nghĩa	20.000					20.000		Quyết định số 2029/QĐ-UBND ngày 06/06/2024 của UBND huyện
2	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH06 (đoạn từ ĐT 760 đến đường 19/5)	3,50	CLN, ONT	Thôn 19/5 và thôn Bù Kroai, xã Đức Hạnh	23.500		2.000			23.500		Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 04/06/2024 của UBND huyện
3	Xây dựng và hoàn thiện các tuyến đường TTHC huyện	0,50	CLN, ONT	Thôn Tân Lập, Xã Phú Nghĩa	20.000		1.500					Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 23/05/2024 của UBND huyện
4	Dự án láng nhựa tuyến GTNT S14 thôn 7, từ tiếp giáp Đăk Ơ 11 đến tiếp giáp vườn ông Mai Huy Thanh	1,00	CLN	Thôn 7, xã Đăk Ơ	1.500					1.350	150	Nghị quyết của HĐND huyện
5	Xây dựng trường THCS và THPT Đăk Mai	4,50	CLN	Thôn Bù Rên, xã Bù Gia Mập	80.000	2.000			78.000			Công văn số 4263/UBND-TH ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh
6	Bê tông xi măng từ ĐH 11 đến vườn ông Dụ	0,50	CLN	Thôn 9, xã Đăk Ơ	1.021					201	820	Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 của UBND huyện
VIII	**Huyện Phú Riềng**	**69,40**										
1	Xây dựng cầu Long Tân đi Phú Riềng huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	0,04	ONT,CLN	Phú Riềng	12.000,00		Không bồi thường về đất			12.000,00		Quyết định số 3014/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh
2	Xây dựng trường mầm non phục vụ Khu công nghiệp Long Hà	1,00	CLN	Long Hà	3.500,00		1.000,00			34.000,00		Nghị quyết 11//NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh
3	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé - Giai đoạn 3	11,50	CLN	Long Hà; Long Bình	25000		1000			24000		Nghị quyết số 223/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 của HĐND huyện
4	Ủi phóng tuyến và các hạng mục phụ trợ công trình xây dựng đường dọc Sông Bé - Giai đoạn 4	14,50	CLN; ONT;	Long Bình	40000		500			39500		Nghị quyết số 221/NQ-HĐND ngày 25/12/2023 của HĐND huyện
5	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối xã Đa Kia (Suối Cát giáp ranh với huyện Bù Gia Mập) với xã Long Hưng, Long Bình huyện Phú Riềng	12,00	CLN	Long Hưng, Long Bình	25000		600			24400		Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 28/7/2023 của HĐND huyện

6	Nâng cấp, mở rộng đường từ Trung tâm xã Long Bình đi xã ĐaKia, Bù Gia Mập (Đoạn ĐT 757B - tuyến Long Hưng - Long Bình)	13,00	CLN	Long Bình	23000		600			22400		Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 của HĐND huyện
7	Giải phóng mặt bằng, xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường vành đai Suối Dên	3,16	CLN;SON	Phú Riềng	2986		Không bồi thường về đất			2986		Quyết định số 3325/QĐ-UBND ngày 30/9/2024
8	Giải phóng mặt bằng và mở rộng đường giao thông từ xã kết nối cầu Long Tân - Long Hà	3,20	CLN	Long Tân	4000		Không bồi thường về đất			4000		Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 30/9/2024
9	Giải phóng mặt bằng và mở rộng đường giao thông thôn 7, xã Long Tân từ Km0+600 đường Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản kết nối với ĐT758	4,20	CLN	Long Tân	2000		Không bồi thường về đất			2000		Quyết định số 3326/QĐ-UBND ngày 30/9/2024
10	Nâng cấp, mở rộng Đường thôn Phu mang 1 và kết nối với đường dọc Sông Bé - xã Long Hà	4,70	CLN	Long Hà	1462,9		Không bồi thường về đất			1462,9		Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 01/10/2024
11	Giải phóng mặt bằng và xây dựng hệ thống thoát nước dọc đường kết nối ĐT 757 với đường từ xã Đa Kia huyện Bù Gia Mập về xã Long Hưng, Long Bình	2,10	CLN	Long Bình	3000		Không bồi thường về đất			3000		Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND huyện
IX	**Huyện Đồng Phú**	**24,22**										
1	Xây dựng đường vòng quanh trũng Đồng Ca, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	3,25	ODT, CLN, DGT và loại đất khác	Thị trấn Tân Phú	9.000					9.000		Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện
2	Nâng cấp láng nhựa đường từ dốc 5 tầng đi nhà văn hoá ấp 2, xã Đồng Tiến.	4,60	ONT, CLN, DGT và loại đất khác	Đồng Tiến.	8.500					8.500		Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện
3	Nâng cấp láng nhựa Đường Cây Điệp – Nam Đô (từ đường Lam Sơn - Tân Phước đến điểm trường tiểu học ấp Nam Đô).	3,50	ONT+CLN và loại đất khác	Tân Phước	6.500					6.500		Quyết định số 5057/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện

4	Xây dựng đường quy hoạch số 7, huyện Đồng Phú (Đoạn từ ĐT.753 đến đường Đồng Phú-Bình Dương, xã Tân Lợi)	10,50	ONT+CLN và loại đất khác	Tân Lợi	14.900					14.900		Nghị Quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
5	Đường Bắc - Nam 1 - Từ ĐT.741 kết nối với tuyến 3	1,87	ODT+CLN và loại đất khác	thị trấn Tân Phú	11.000					11.000		Nghị Quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
6	Nâng cấp mở rộng đường tổ 21, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú (đoạn từ đường ĐT 741 đến đường Phú Riềng Đỏ nối dài lên KCN Bắc Đồng Phú	0,50	ODT+CLN và loại đất khác	thị trấn Tân Phú	4.000					4.000		Nghị Quyết số 37/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của HĐND huyện
X	**Huyện Bù Đăng**	**161,83**										
1	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo nối dài thị trấn Đức Phong	1,00	ODT, CLN	Đức Phong	10.000		3.500			x		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 28/10/2024 của HĐND huyện
2	San lấp mặt bằng khu TTHC xã Đăng Hà	8,00	ONT, CLN	Đăng Hà	25.000		10.500			x		Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 28/10/2024 của HĐND huyện
3	Quy hoạch mỏ đất san lấp phục vụ làm vật liệu phục vụ Dự án đường cao tốc	118,83	CLN	Đức Phong, Đoàn Kết, Đăk Nhau, Thống Nhất, Phước Sơn, Thọ Sơn, Đăng Hà, Minh Hưng, Bom Bo, Phú Sơn								Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội
4	Quy hoạch mỏ đá xây dựng phục vụ làm vật liệu phục vụ Dự án đường cao tốc	34,00	CLN	Phước Sơn, Thống Nhất								Nghị quyết số 138/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội
Tổng cộng		**416,96**										

Ghi chú (*):
CLN: Đất trồng cây lâu năm
ODT: Đất ở tại đô thị
ONT: Đất ở tại nông thôn
SKC: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
SON: Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối
DGT: Đất giao thông
DGD: Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo